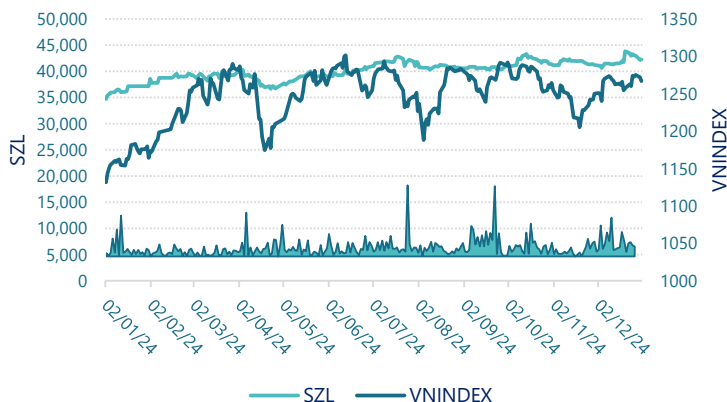




CTCP Sonadezi Long Thành (HSX: SZL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	42,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,727
SL cổ phiếu LH	27,344,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,320
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,157
P/E	11.1
EPS	3,824

DT thuần

Q4/24

124

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.00| -1.9%

LN sau thuế

Q4/24

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.20| -9.1%

YoY: ▼12.0| -35.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

26.7%

+/- YoY: ▼ 3.0%

DT thuần

2024

488

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 47.0| 10.7%

LN sau thuế

2024

105

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00| 0.9%

ROE

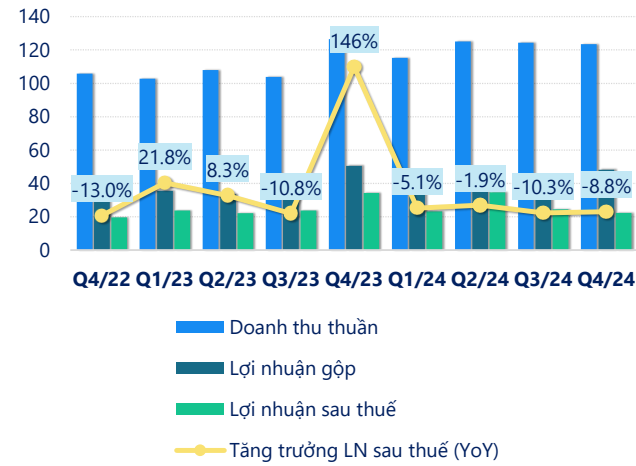
2024

16.7%

+/- YoY: ▼ 0.3%

tỷ VNĐ

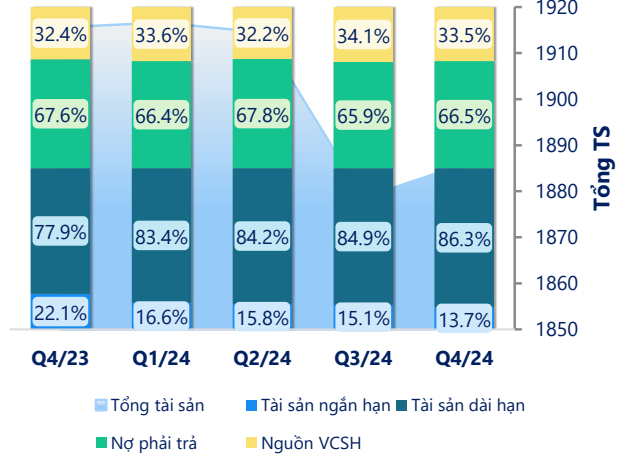
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

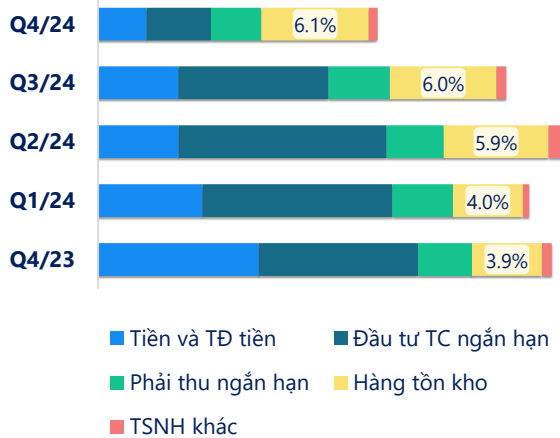
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



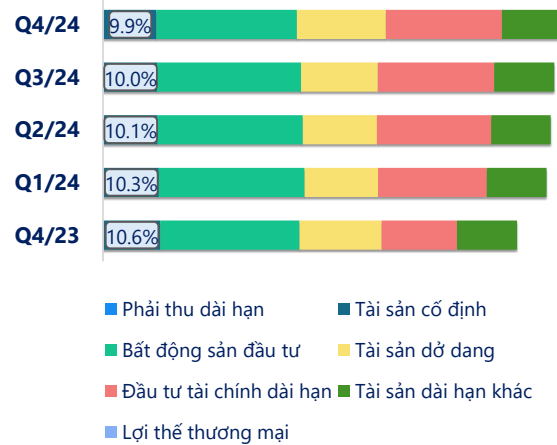
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

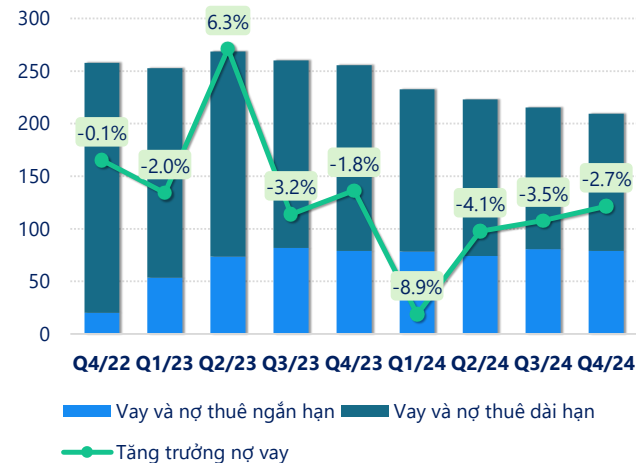
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

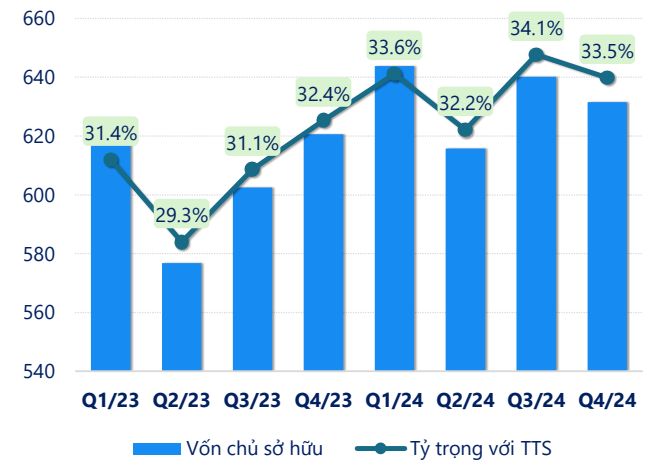
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

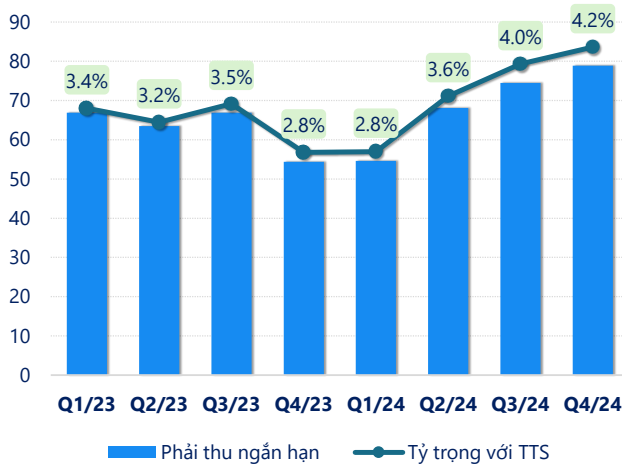
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



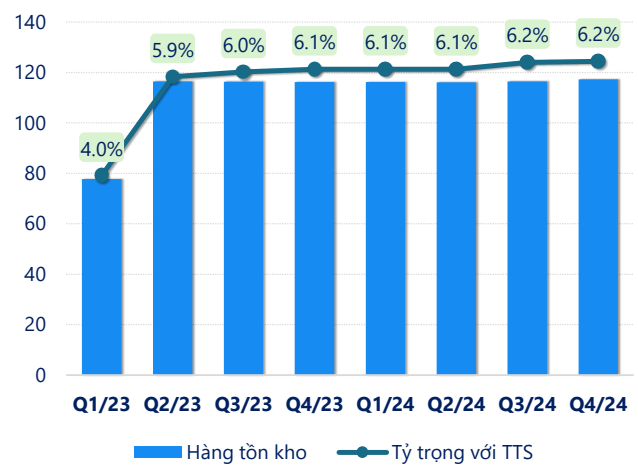
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


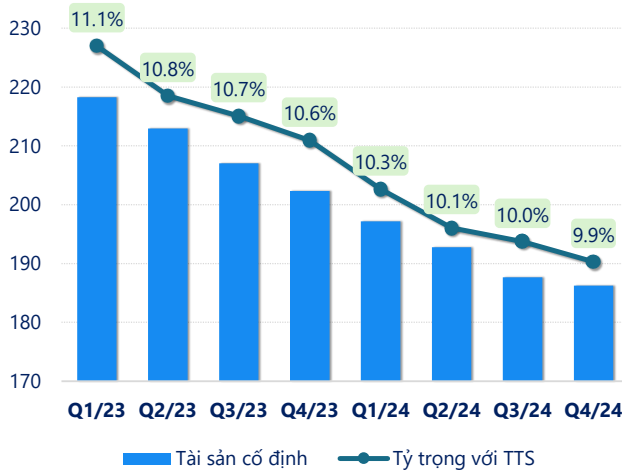
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


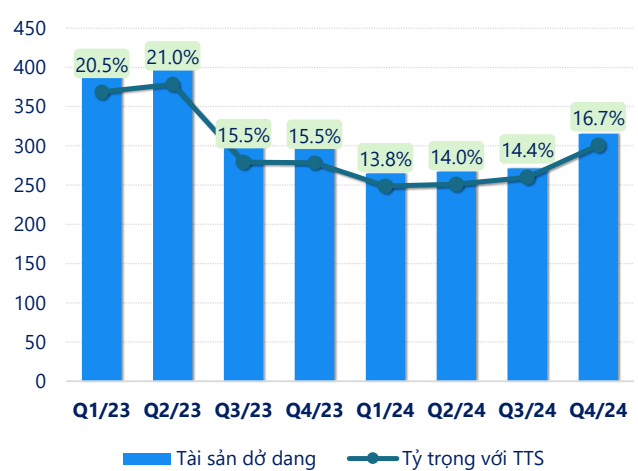
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

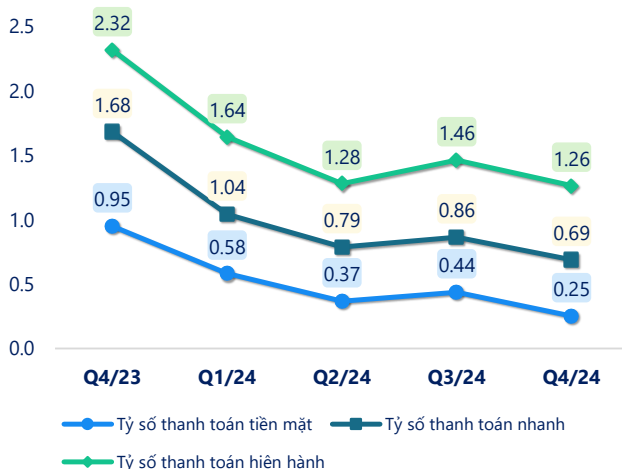
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

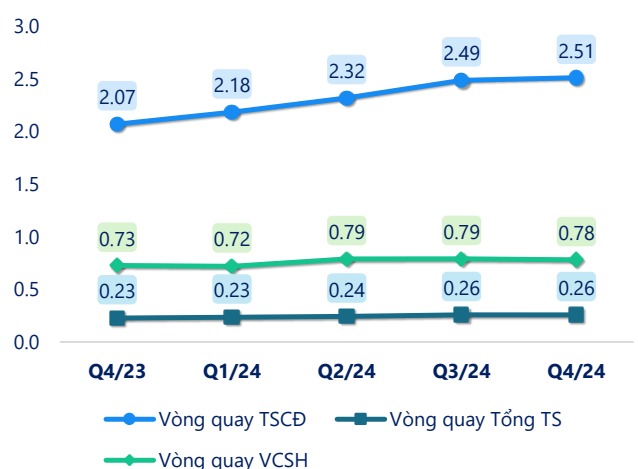
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,916	1,917	1,914	1,879	1,886
Tài sản ngắn hạn	424	318	303	284	258
Tiền và tương đương tiền	174	113	86.9	85.1	51.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	31.0	26.0	0	0
Phải thu ngắn hạn	54.4	54.6	68.1	74.5	78.9
Hàng tồn kho	116	116	116	116	117
Tài sản ngắn hạn khác	9.63	3.23	5.41	8.48	10.2
Tài sản dài hạn	1,492	1,599	1,612	1,594	1,628
Phải thu dài hạn	3.68	3.68	3.68	3.68	3.68
Tài sản cố định	202	197	193	188	186
Bất động sản đầu tư	502	526	523	508	498
Tài sản dở dang	297	265	267	271	315
Đầu tư tài chính dài hạn	271	392	412	412	412
Tài sản dài hạn khác	217	215	214	212	213
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,295	1,273	1,299	1,238	1,254
Nợ ngắn hạn	183	194	237	195	204
Vay và nợ thuê ngắn hạn	78.9	78.3	74.1	80.5	78.9
Phải trả người bán ngắn hạn	35.3	15.0	13.7	11.3	18.5
Nợ dài hạn	1,112	1,079	1,062	1,044	1,051
Vay và nợ thuê dài hạn	176	154	149	135	131
Nguồn vốn chủ sở hữu	621	644	616	640	632
Vốn chủ sở hữu	621	644	616	640	632
Vốn điều lệ	291	291	291	291	291
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)